

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM  
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH**

*Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 06/08/2021*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

**Tập 70**

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Biện tài tổng trì, tự tại vô ngại, thiện giải thế gian vô biên phương tiện.  
Sở ngôn thành đế, thâm nhập nghĩa vị. Độ chư hữu tình, diễn thuyết chánh  
pháp, vô tướng vô vi, vô phược vô thoát, vô chư phân biệt, viễn ly điên đảo.**

*Biện tài tổng trì, tự tại vô ngại, khéo hiểu rõ vô biên phương tiện của thế  
gian. Nói lời thành khẩn, chân thật, thâm nhập nghĩa vị. Độ các hữu tình, diễn nói  
chánh pháp, vô tướng vô vi, không trói buộc cũng chẳng giải thoát, không có các sự  
phân biệt, viễn ly điên đảo.*

*“Biện tài tổng trì, tự tại vô ngại”*

Trí tuệ biểu hiện nơi ngôn từ thì chính là “biện tài”. Tâm thanh tịnh biểu hiện trong đời sống thì chính là “tổng trì”. Tổng trì chính là tổng cương lĩnh. Hết thầy pháp thế xuất thế gian đều có thể hoàn toàn nắm bắt, thật sự sáng tỏ chân tướng của vũ trụ nhân sanh, trong đời sống được đại tự tại. “Tự tại vô ngại” chính là hạnh phúc, an vui mà người thế gian nói, an lạc vô cùng. Các Bồ-tát trên hội Hoa Nghiêm đều là lý sự vô ngại, sự sự vô ngại, đời sống như vậy mới mỹ mãn. Người thế gian chúng ta nói mỹ mãn, nói chân thiện mỹ tuệ là hữu danh vô thực. Đời sống mỹ mãn chỉ trong Phật pháp mới có, chỉ có pháp môn Tịnh tông là thù thắng nhất, trong cuộc sống có thể biểu hiện ra đời sống mỹ mãn nhất.

Đoạn kinh văn này “nêu rõ thánh hạnh lợi tha, công đức viên mãn của Đại sĩ cõi Cực Lạc”, chính là nói đến công đức trí tuệ biện tài của Bồ-tát thế giới Cực Lạc. Đã khai trí tuệ, nên biện tài vô ngại. Biện tài là nói trí tuệ biện tài thuyết pháp. Câu “biện tài tổng trì” trong bản dịch thời Tống, bản dịch thời Ngụy là “có các

biện tài”, cho nên có hai cách giải thích “biện tài tổng trì”. Một cách giải thích là: tổng trì chính là đầy đủ tất cả, tất cả đều có thì gọi là tổng trì. Cách giải thích khác là: tổng trì là đà-la-ni, tổng trì tất cả. Chính là nói những Bồ-tát này đều đã đặc biệt tài đà-la-ni, đà-la-ni vĩnh viễn sẽ không thoái thất.

Tự tại vô ngại là nói biện tài này là hết thảy vô ngại, chính là “tứ vô ngại biện” mà kinh Niết-bàn nói, cũng gọi là “tứ vô ngại trí”. Đó là:

“Pháp vô ngại trí”, thông đạt tên gọi của các pháp, phân biệt không trở ngại, đối với tất cả pháp đều không có chướng ngại, không có nơi nào sinh ra chướng đối hoặc chẳng thể nói ra được.

“Nghĩa vô ngại trí” biết trọn lý của tất cả pháp, thông đạt vô ngại.

“Từ vô ngại trí” có thể hiểu thông các loại ngôn ngữ, có thể tùy ý diễn nói. Một ý nghĩa khác là chỉ cho ngôn thuyết, có một số chỗ chẳng thể biểu đạt bằng ngôn thuyết, nhưng người có được “từ vô ngại” thì có thể dùng đủ mọi tỉ dụ để nói rõ.

“Nhạo thuyết vô ngại trí”, vĩnh viễn sẽ không nói “tôi mệt mỏi rồi, tôi không còn hứng [để] nói nữa đâu”. Còn có một nghĩa là biện luận nói rõ nghĩa của các pháp viên dung không trở ngại. Hoặc là thuận theo sự mong cầu mà vui vẻ dùng phương tiện thiện xảo để nói.

Tứ vô ngại biện cũng gọi là tứ vô ngại trí, cũng gọi là tứ vô ngại giải. Nói biện, nói trí, nói giải đều là cùng một nghĩa, đó là biện tài trí tuệ thuyết pháp cho Bồ-tát. Nếu là thuyết pháp thì gọi là “tứ vô ngại biện tài”.

Kinh Thắng Thiên Vương nói với chúng ta có chín loại biện tài.

Thứ nhất là “biện tài vô trước”. “Trước” trong từ “chấp trước”, biện tài vô trước là không chấp trước. Có người hỏi, không chấp trước mà có biện tài được ư? Có. Vì sao vậy? Không chấp trước là tự tánh, chấp trước là A-lại-da thức. Không chấp trước chẳng những có biện tài, mà còn có biện tài vô tận, chỉ cần bạn không chấp trước thì biện tài sẽ hiện tiền. Cho nên chúng ta học Phật phải thật sự học, thật sự học chính là học buông xả. Pháp thế gian đều dạy chúng ta “cách vật trí tri”, “cách vật” chính là buông xả, buông xả lòng ham muốn; biện tài vô tận chính là “trí tri”, trí tuệ bèn hiện tiền. Cho nên chướng ngại lớn nhất chính là chấp trước, đối lập với người khác, nếu tất cả đều không chấp trước thì chẳng có việc gì cả.

Thứ hai là “biện tài vô tận”, thứ ba là “biện tài tương tục”, thứ tư là “biện tài bất đoạn”, thứ năm là “biện tài không khiếm nhược”, thứ sáu là “biện tài không sợ hãi”, thứ bảy là “biện tài bất cộng”, thứ tám là “biện tài vô biên”, thứ chín là “biện tài được trời người kính trọng”.

Chúng tôi nói một chút về “biện tài bất cộng”, “bất cộng” là không giống với phàm phu thông thường, cũng không giống với thiên nhân thông thường, đây là thứ sẵn có trong tự tánh của chính mình. Bây giờ tập khí phiền não của bạn chưa đoạn hết, biện tài rất ráo viên mãn trong tự tánh không thể hiện tiền, nhưng được Phật lực gia trì. Đặc biệt là giảng kinh dạy học, thật sự phát tâm, cầu Phật gia trì, chẳng phải bản thân chúng ta có năng lực giảng, chúng ta lên đài hoàn toàn nhờ Phật Bồ-tát gia trì, phải vô cùng thành khẩn, chẳng cho mình đứng. Quả thật có những lúc sau khi nói ra bản thân đều rất đắc ý, rất vui, nhưng bản thân biết rằng đây không phải do chính mình nghĩ ra, mà là Phật Bồ-tát gia trì. Điều này hoàn toàn giống với sự lĩnh hội của bản thân tôi, đây chính là biện tài bất cộng.

Chín điều đã nói trên cũng gọi là “biện tài vô ngại”. Đại sĩ ở Cực Lạc đầy đủ các loại diệu biện tài vô ngại như vậy, không có chướng ngại, cho nên gọi là “biện tài tổng trì, tự tại vô ngại”. Trí tuệ biện tài có liên quan đến thứ bậc ngộ nhập trong tu hành, có liên quan đến nhìn thấu, buông xuống. Buông xuống là đối với phiền não chướng, nhìn thấu là đối với sở tri chướng. Hai loại chướng ngại này mỗi người chúng ta đều có, và lại còn rất sâu, chúng ta luôn bị chướng ngại mà không hay không biết, xem kinh không hiểu, xem không hiểu vô lượng nghĩa thậm thâm trong kinh, trong kinh xác thật là vô lượng nghĩa. Thế nên kinh thì vĩnh viễn đọc mãi không chán, vì sao vậy? Tùy theo sự tinh tấn của bạn mà thâm nhập càng sâu. Bộ kinh này Phật nói và Bồ-tát nói không như nhau, Phật nói sâu, Bồ-tát nói cạn. Đại Bồ-tát nói, Pháp thân Bồ-tát nói so với Quyền giáo Bồ-tát nói lại không như nhau, ý vị và mức độ sâu cạn không như nhau. Tôi có được sự lĩnh hội này, giảng bộ kinh này, càng giảng tôi càng hoan hỷ, càng giảng thì ngộ nhập càng sâu, mỗi lần giảng đều có chỗ ngộ mới, giống như cái bóng đèn nhỏ, càng lúc càng sáng. Lần trước giảng chẳng phải là cách nói này, bây giờ đột nhiên hiểu ra, cùng một vấn đề nhưng có tầng nghĩa sâu hơn, có cách nói tầng thứ càng sâu hơn. Đương nhiên nguyên tắc căn bản là “tin tưởng yêu thích lời người xưa, thuật lại chứ không sáng tác” thì không được sửa đổi.

Chúng ta liệu có thể triệt để giảng hết toàn bộ được không? Không thể! Đừng nói là kinh Vô Lượng Thọ, mà một bộ Tâm Kinh hai trăm sáu mươi chữ, bạn từ lúc trẻ học biết giảng, giảng đến lúc già chết, bạn vẫn không thể giảng nó hết toàn bộ được, bạn giảng đến một trình độ nào đó thì thọ mạng đến rồi. Độ thâm sâu của kinh là không đáy, độ rộng lớn của kinh là vô biên, sao bạn có thể giảng rớt ráo viên mãn được, giảng không nổi. Giảng được đến mức nào thì phải xem cảnh giới của chúng ta. Cảnh giới của tôi là gì thì tôi chỉ giảng đến cảnh giới mức đó, chẳng thể nào vượt hơn. Cho nên, nhìn thấu, buông xuống là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc của tu hành. Nếu muốn nghĩ cách nâng cao cảnh giới của chính mình thì đó chính là tiếp tục buông xuống, buông xả tiếp, nhìn thấu hơn, nhìn thấu hơn nữa, đây là bí quyết, là mật mã. Nếu nói là bí mật thì bí mật đó ở nơi bạn.

Chúng ta học tập kinh giáo tuyệt đối không được có ý nghĩa, khẳng định chắc chắn là mỗi chữ mỗi câu trong kinh giáo đều chẳng có nghĩa, đừng suy nghĩ xem nó có nghĩa là gì. Lão pháp sư nói với chúng ta, khi dùng đến, lúc bạn nói thì chính là dùng, lúc dùng thì có vô lượng nghĩa, ý nghĩa này từ đâu mà ra? Từ thính chúng mà có, ý niệm của thính chúng truyền đến tôi, tôi tiếp nhận được. Điều tôi nói, tôi giảng, tôi làm phải khế cơ, thính chúng nghe rồi, xem rồi thì sanh tâm hoan hỷ, vì sao vậy? Họ nghe hiểu rồi bèn được lợi ích. Nếu giảng sâu thì nghe không hiểu, giảng cạn thì họ không muốn nghe, chẳng thú vị. Cho nên, giảng kinh phải nắm được mức độ sâu cạn, đây là điểm quan trọng, cũng là điểm khó. Một bộ kinh giảng xong một lần thì giảng lại từ đầu, lần giảng sau sâu hơn lần giảng trước, càng giảng càng có ý vị. Cho nên vĩnh viễn không thể giảng hết kinh, vĩnh viễn không thể nghe hết kinh. Đây chính là chỗ vi diệu của kinh.

Có một nguyên tắc mà chúng ta phải nắm được, không được lệch hướng, đó chính là không lìa tự tánh. Tự tánh là gì? Chân thành, thật thà, đây là tự tánh. Cho nên người chân thành thật thà học Phật thì không ai mà không thành Phật. Đối với điều này chúng ta phải xây dựng tín tâm. Lão pháp sư nói: Chúng ta luôn cần phải tìm vài người nổi bật để làm gương. Ngài nêu ra cho chúng ta hai tấm gương, một vị là người xuất gia - lão hòa thượng thượng Hải hạ Hiền; một vị là người tại gia – lão Bồ-tát Lưu Tố Thanh. Thời gian bảy tám năm đã trôi qua, chúng ta đã học tập chưa? Học được thế nào rồi? Học được điều gì rồi? Điều quan trọng nhất của tấm gương chính là khiến tín tâm của chúng ta vững chãi, không còn hoài nghi nữa. Chỉ cần tin tưởng có thể giới Cực Lạc, có A-di-đà Phật, thật sự chịu niệm câu A-di-đà

Phật này, mong muốn đến thế giới Cực Lạc thì không người nào uổng phí cả, người người đều thành tựu. Lợi ích này quá lớn! Lợi ích này không thể tìm thấy trong thế xuất thế gian, thù thắng khôn sánh!

Tiếp theo nói: *“Khéo hiểu rõ vô biên phương tiện của thế gian”*.

Đây là sai biệt trí. Phía trên nói “biết được chân, đạt được gốc” là căn bản trí. Căn bản trí dễ hiểu, sai biệt trí khó hiểu rõ. Từ căn bản trí nhập vào sai biệt trí, cho nên khéo hiểu rõ vô biên phương tiện của thế gian. Phải khéo biết căn tánh của tất cả chúng sanh và thứ mà họ ưa thích, tùy theo căn tánh của họ, tùy theo mức độ phù hợp với họ mà khéo léo thuyết pháp cho họ. Như vậy mới có thể khế hợp căn cơ của họ, khéo hiểu rõ vô lượng phương tiện của thế gian, khéo giảng pháp cho họ.

Hết thầy pháp thế xuất thế gian đều có thể khéo léo diễn giải cho người, khiến người nghe thấy lập tức có được lợi ích chân thật. “Khéo hiểu rõ” là không có pháp cố định, nếu có pháp cố định thì không phải là khéo hiểu rõ. Vì sao không có pháp cố định? Vì căn tánh của mỗi người không như nhau, tình kết trong tâm mỗi người không như nhau, gặp được thiện tri thức, họ có thể giúp bạn tháo gỡ gút mắc trong tâm, bèn được thọ dụng, đây chính là phương tiện khéo léo.

*“Nói lời thành khẩn, chân thật”*

Lời nói ra vô cùng thành khẩn, vô cùng chân thật. Vì bạn đã hiểu rõ căn bản trí, khế nhập lý thật tướng, cho nên đạt được sai biệt trí, có thể tùy theo căn cơ của chúng sanh mà thuyết pháp, người nghe bèn cảm thấy thâm nhập nghĩa vị. Nếu điều bạn nói trình độ rất thấp, người tầm thường nghe rồi cảm thấy rất thú vị, thì đây không gọi là thuyết pháp, mà là ý ngữ. Nếu bạn nói lời thành khẩn chân thật, thâm nhập nghĩa vị thì chúng sanh hữu tình bèn được độ. Diễn nói chánh pháp, do khế lý nên pháp nói ra đều là chánh pháp.

“Nói lời thành khẩn, chân thật”, đây là điều kiện cơ bản để làm người, không vọng ngữ, đối với tất cả người, tất cả việc đều phải chân thành. “Đế” là thật thà, làm người phải chân thật, phải thật thà, chẳng có mảy may hư ngụy, hư giả. Làm người thì phải có loại tổ chất căn bản này.

*“Thâm nhập nghĩa vị”*

“Nghĩa” là nghĩa lý. Hết thầy pháp thế xuất thế gian, những đạo lý thâm sâu vi tế, họ đều hiểu được, đều sáng tỏ.

*“Độ các hữu tình, diễn nói chánh pháp”*

Hai câu này là nói tác dụng. “Các hữu tình” chỉ cho tất cả chúng sanh hữu tình, trên từ Đẳng giác Bồ-tát, dưới đến chúng sanh địa ngục, đệ tử của Di-đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có năng lực thuyết pháp cho họ. Bởi vì mức độ hiểu sâu, hiểu rộng đối với chân tướng vũ trụ nhân sanh của đệ tử Di-đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc vượt xa tất cả Bồ-tát, cho nên họ có năng lực này. Nếu chúng ta muốn đạt được cảnh giới này thì chỉ có một phương pháp, đó là nương theo lời dạy của kinh Vô Lượng Thọ mà tu học, hễ thật sự nghiêm túc tu học thì một đời này nhất định có thể vào được cảnh giới này. Nếu không nương vào đây mà tu hành, đừng nói là một đời không được, cho dù mười đời, trăm đời có lẽ cũng chẳng thể chạm đến mép rìa.

Chánh pháp chính là “vô tướng, vô vi, không trói buộc, cũng chẳng giải thoát”. Hiện nay một số người dùng tâm luyện công mà học Phật, hy vọng đạt được công đức, mong rằng rất nhanh sẽ được thể này thể nọ, đây đều là hữu tướng, hữu vi, đây chẳng phải Phật pháp. Tịnh Ảnh Số nói: “Các pháp đều là không, nên gọi là vô tướng”. Trước đây từng nói: Vô tướng và không chẳng hề khác biệt, tuy viết không như nhau, nhưng kỳ thực là cùng một việc. Các pháp đều là không, nên gọi là vô tướng, Niết-bàn gọi là vô tướng. Kinh Niết-bàn nêu ra 10 ví dụ là: sắc tướng, thanh tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh tướng, hoại tướng, trụ tướng, nam tướng, nữ tướng. Những tướng này đều không có, cho nên gọi là vô tướng; không có nhân duyên tạo tác, cho nên là vô vi. Chẳng phải dựa vào một số điều kiện mà lên kế hoạch sắp xếp.

*“Vô tướng, vô vi, vô phược, vô thoát, vô chur phân biệt, viễn ly điên đảo”*

Bốn câu này về mặt nghĩa lý mà nói còn sâu hơn những câu trước đó, là đạt được đại tự tại chân thật, cùng với quả địa Như Lai là không hai không khác. Phải đặc biệt chú ý năm chữ “vô” này, phải lý giải chính xác, không được hiểu sai, không được hiểu lầm, không được hiểu cong lệch.

Chữ “vô” nói ở đây chẳng phải không có gì cả, không được nói thành không của không có. Trên sự là có, trên lý là không; trên tướng là có, trên tánh là không, phải hiểu rõ đạo lý này. Vô tướng chẳng phải là không có tướng. Chư Phật Như Lai ứng hóa ở thế gian, hiện ra 32 tướng, 80 vẻ đẹp, sao nói là không có tướng được? Như Tỳ-lô-giá-na Như Lai trên hội Hoa Nghiêm, Thế Tôn cũng nói rất rõ

ràng với chúng ta: “Phật có vô lượng tướng, tướng có vô lượng vẻ đẹp”, sao lại nói là không có tướng? Cho nên nhất định phải hiểu ý nghĩa chân thật của chữ “vô” ở đây thì mới không đến nỗi sinh ra hiểu lầm.

“Tướng có Thể không”, đây là thật. “Sự có Lý không”, điều này trong tất cả kinh luận Phật đều dạy chúng ta không được chấp tướng, vì sao không được chấp tướng? Bởi vì tướng là giả tướng, tướng không phải thật có, tướng là tạm có, chẳng phải thật có, chẳng phải có vĩnh viễn.

“Vô” có nghĩa là không chấp trước vào tất cả hiện tượng. “Vô vi”, vi là hành vi tạo tác. Hết thầy người thế gian ở trong thế gian này chẳng thể vô vi được, nếu thật sự vô vi thì bạn không thể nào đến thế gian này được. Chư Phật Bồ-tát ứng hóa trong thế gian này, các ngài cũng là hữu vi, các ngài cũng không thể vô vi, các ngài độ hóa chúng sanh, đó chính là hữu vi, các ngài có tạo tác. Phật vì tất cả chúng sanh mà giảng kinh thuyết pháp, dẫn dắt mọi người tu học, cũng là hữu vi. Hữu vi thì sao lại nói là vô vi? Không chấp trước hữu vi thì chính là vô vi.

Chỉ cần bạn lìa khỏi tất cả huyễn tướng, không chấp tướng, không chấp trước hành vi việc làm mỗi ngày của bạn, tâm của bạn thanh tịnh, tâm thanh tịnh chính là chân tâm, chân tâm là vô vi. Bồ-tát của thế giới Cực Lạc ở thế giới mười phương, trên cúng dường chư Phật, dưới độ hóa chúng sanh, vì sao vẫn không thoái chuyển? Hóa ra các ngài đều là “vô tướng, vô vi”, cho nên không chấp tướng, không động tâm, không thoái chuyển.

*“Không trói buộc cũng chẳng giải thoát”*

Thiền tông có một công án. Có người nói với tổ sư: Nghiệp chướng của con sâu dày, mong được giải thoát. Tổ sư nói: Ai đã trói ông? Người ấy nghe xong ngay đó bèn ngộ ra. “Không trói buộc cũng chẳng giải thoát”, người thế gian gọi vô minh phiền não là trói buộc, bạn đoạn được trói buộc thì “chân” bèn hiển lộ, nên gọi là giải thoát. Nhưng lại không biết rằng vô minh và pháp tánh là một thể, pháp tánh ví như nước, vô minh ví như băng, nước thì không chướng ngại, đến đâu cũng đều có thể thích ứng, băng thì có chướng ngại, đến đâu cũng không thích ứng. Băng và nước tuy không cùng một tướng, nhưng bản thể đều là H<sub>2</sub>O. Cho nên toàn bộ thể của băng ví cho vô minh này chính là nước ví cho pháp tánh, chính là không có trói buộc, cũng chẳng có giải thoát.

Đại sư Lục tổ Huệ Năng nói “vốn chẳng có một vật” thì ai đến trói buộc bạn? Không có ai trói buộc bạn. Thứ trói buộc bạn chính là tri kiến của bạn, là phiền não của bạn. Bạn không biết tri kiến và phiền não đều là không. Tánh của phiền não là không, không có tự tánh; tri kiến là vọng tưởng. Không có người trói buộc bạn, đã không có người trói buộc bạn thì A-la-hán, Bích-chi Phật đắc được giải thoát cũng là giả. Không có người trói buộc bạn thì lấy đâu ra giải thoát? Cũng chẳng có giải thoát.

Phiền não của chúng ta là thật có, chẳng những có mà còn quá nhiều quá nhiều. Vọng tưởng cũng là thật có, hơi muốn tĩnh lặng một chút thì không biết có bao nhiêu là vọng niệm. Phật vì sao nói không? Vì thật sự là không. Vậy những hiện tượng, hành vi tạo tác, trói buộc, giải thoát, những việc này từ đâu sanh ra? Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sanh ra. Phật dạy chúng ta “không có các sự phân biệt”, chính là trong kinh Kim Cang, Phật dạy Tu-bồ-đề “không chấp vào tướng, như như bất động”.

*“Không có các sự phân biệt”*

Không có các loại phân biệt thì chính là bất nhị. Bất nhị chính là “như”, là bình đẳng, không có sai biệt. Các pháp đều là “như”, tất cả pháp đều là “như”, do vậy gọi là “như như”. Đại thừa Nghĩa Chương nói: “Hai bên đều là như, nên gọi là như như”. Họ cũng như, mình cũng như, tất cả đều là như, cho nên gọi là như như. “Như thì chẳng phải hư vọng, cho nên trong kinh cũng gọi là chân như”, là bản thể thực tế, chẳng phải hư vọng, cho nên gọi là chân như, là chân đế.

Những thứ nói trên đều là danh tướng, biểu đạt pháp chân thật bình đẳng, không hư vọng. Kinh Văn-thù Bát-nhã nói: “Nếu tin tất cả pháp đều là Phật pháp, không sanh kinh sợ, cũng không nghi hoặc, người kiên trì tin nhận như vậy sẽ nhanh đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Nếu bạn có thể tin tưởng tất cả pháp đều là Phật pháp, kinh Kim Cang có câu: “Tất cả pháp đều là Phật pháp”. Câu này với câu “tất cả đều thành Phật”, “tất cả sự rốt ráo kiên cố” đều là một hệ truyền thừa. Nghe được pháp này, không sanh kinh sợ, cũng không nghi hoặc, có thể kiên trì gìn giữ như vậy thì rất nhanh thành Phật. Đây là ngài Văn-thù thọ ký cho mọi người.

Kinh Đại Bảo Tích nói: “Bản tánh của các pháp đồng với Phật tánh, cho nên các pháp đều là Phật pháp”. Bản tánh của các pháp đều tương đồng với Phật pháp, vì



vậy các pháp đều là Phật pháp. Giống như bản tánh của băng giống bản tánh của nước. Cáp Nhĩ Tân dùng băng làm thành trăm ngàn mô hình điêu khắc băng, nhưng bản thể thực tế của nó chính là H<sub>2</sub>O, băng và nước là một, là một mà lại trăm ngàn vạn kiểu. Cho nên nếu có thể tin tưởng tất cả pháp đều là Phật pháp thì sẽ giảm bớt rất nhiều phân biệt, tranh đấu, ưa ghét lấy bỏ.

*“Viễn ly điên đảo”*

Không có phân biệt thì viễn ly điên đảo.

*“Đối với tất cả thọ dụng đều không chấp giữ”*

Hai câu này là nói thọ dụng tự tại. Đối với thọ dụng ở thế giới Cực Lạc và thọ dụng ở thế giới phương khác đều không chấp giữ, biết tất cả đều là không nên không khởi ý niệm gì cả.

Đại sư Ấn Quang đối với hai câu này khai thị như sau: “Sáu căn đối với sáu trần (mắt đối sắc, tai đối âm thanh, mũi đối mùi hương, lưỡi đối vị, thân đối với xúc chạm, ý đối với cái biết) thấy đều không chấp giữ, chính là nhiếp trọn sáu căn. Khiến cho tức khắc toàn thân buông xuống, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Lúc niệm thì trong tâm phải niệm cho rõ ràng, trong miệng niệm cho rành rẽ, trong tai nghe thấy rõ ràng. Do tâm vừa khởi niệm bèn có thanh tướng, tai của chính mình nghe âm thanh trong tâm chính mình, vẫn là rõ ràng rành rẽ. Có thể thường nghe rõ ràng, thì tâm gom về một chỗ, thần không rong ruổi ra ngoài. Nên mắt cũng không nhìn thứ khác, mũi cũng không ngửi gì khác, thân cũng không phóng dật, cho nên gọi là nhiếp trọn sáu căn. Niệm Phật như vậy thì gọi là tịnh niệm. Nhiếp tâm vào Phật hiệu thì tạp niệm tuy chưa hết sạch nhưng đã giảm bớt rất nhiều. Nếu có thể thường giữ liên tục, cạn thì có thể được nhất tâm bất loạn, sâu thì được niệm Phật tam-muội. Vì lý do này mà ngày thường hãy gắng sức chuyên tâm dốc chí nơi yếu nghĩa này vậy”.

Khai thị của đại sư ngắn gọn, thẳng thắn, nói thấu đáo nên nhiếp cái gì, không nhiếp cái gì, thứ nên nhiếp thì nhiếp thế nào, làm thế nào nhiếp trọn sáu căn, đều nói rõ ràng rồi, chỉ xem xem chúng ta làm thế nào thôi.

*“Đi khắp cõi Phật, không ưa không chán”*

Đây là nói diệu dụng tự tại. Các đồng tu hãy chú ý, “đi khắp cõi Phật, không ưa không chán”, chúng ta phải chú ý đến hai từ, một là “khắp”, hai là “chán”.

“Khấp” là Bồ-tát vãng sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đến cõi nước chư Phật mười phương cúng dường và tham học. “Khấp” là chỉ phạm vi, đi hết toàn bộ không sót một nơi, nhằm biểu đạt diệu dụng tự tại của các Bồ-tát thế giới Cực Lạc, đến đi tự do, đây là điều không có ở các cõi Phật khác.

“Chán”, đừng hiểu sai ý nghĩa của từ này, đừng đem “chán” trong “chán lia Ta-bà” giải thích thành chán ghét, nói là chán ghét thì sai rồi. Chán lia ở đây chính là nghĩa không lưu luyến, nghĩa là đối với thế giới Ta-bà chẳng có điều gì không thể xả bỏ. Lưu luyến thế giới Ta-bà thì không thể vãng sanh thế giới Cực Lạc. Cũng chẳng phải là chán ghét, không quay về nữa, vậy thì không đúng rồi, phải phổ độ bình đẳng! Thế giới Ta-bà rất có duyên với chúng ta, chúng sanh có duyên mà bạn không độ thì bạn độ ai? Thái độ chính xác đó là không lưu luyến cũng không chán ghét. Nhưng có một điều cần chú ý là tín niệm cầu sanh Tịnh độ tuyệt chẳng thể thay đổi!

*“Cũng không có ý niệm mong cầu hay không mong cầu”*

Hy là hy vọng, cầu là mong cầu. Bồ-tát không có ý niệm này, Bồ-tát là có nguyện chứ không có cầu, có nguyện không có mong cầu thì tự tại. Có nguyện, phía sau còn có mong cầu thì đó là gánh nặng rất lớn, cũng rất khổ. Khổ gì vậy? Khổ do cầu không được. Sau khi cầu được lại lo được lo mất, vẫn là khổ. Chúng ta nên dùng thái độ như thế nào? Có mong cầu hay không? Không có mong cầu, cũng chẳng có không mong cầu, tất cả tùy duyên.

Kinh Kim Cang Tam-muội nói: Vào đạo tuy nhiều đường, nhưng cốt yếu không ngoài hai loại. Một từ lý vào, hai từ hành vào. Một loại là từ bản thể mà nhập đạo, một loại là từ thực hành mà nhập đạo. Từ hành vào thì có bốn loại, loại thứ ba trong đó là hành vô sở cầu. Người đời thường mê, tham cầu mọi thứ, cầu cái này, cầu cái kia, cầu danh văn, cầu lợi dưỡng. Có người chỉ biết cầu lợi thì không tốt, không biết rằng cầu tiếng tăm, được người khác cung kính, khiến người khác biết mình tốt, việc này cũng y như cầu lợi, cầu vàng bạc đô-la.

Bạc trí ngộ được chân đế nên tâm họ an, bởi vì tất cả pháp vốn là vô sở hữu, vốn là tịch diệt, nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh. Tự tánh có thể sanh ra vạn pháp, họ ở đây có thể an tâm, là an thật sự, chẳng thể nào hình dung, vượt hơn tất cả thế gian, có đủ công đức và trí tuệ của Phật. Họ chẳng vì cái gì, không còn vì gì nữa. Vạn hữu đều là không, chẳng có mong cầu, thật sự không có mong cầu, cho

nên đây gọi là hành vô sở cầu. Câu này của chúng ta là “không có ý niệm mong cầu”, đối với tất cả cõi Phật không ưa không chán, đã không ưa, cũng không chán, đây chính là ý niệm vô sở cầu.

Còn có “chẳng có ý niệm không mong cầu”, nghĩa là cũng chẳng có việc không mong cầu. “Chẳng lập một pháp” mới là không mong cầu thật sự. Không mong cầu là vô vi, chẳng có không mong cầu là không trụ ở vô vi, đây là sự tu trì của Bồ-tát ở thế giới Cực Lạc, chẳng phải là cảnh giới của chúng ta. Ngay cả muốn vô vi, không muốn hữu vi thì cũng là mong cầu, là có ưa có chán, thích vô vi, chán hữu vi. Trí tuệ của Bồ-tát có thể bài trừ chính mình. Không được mong cầu, đây là từ hành mà vào; đến khi làm được “cũng không có ý niệm chẳng mong cầu” thì khéo nhập trung đạo, là đi vào từ lý.

Vì vậy bình đẳng là *“cũng không có ý niệm oán trái giữa ta và người”*.

Người đúng mình sai, ta và người chính là nhân ngã. Giữa người và người có rất nhiều ý kiến, đều là bản thân đúng, người khác sai, giống với ý mình thì thuận, trái với ý của mình thì kết oán. Vì sao các Bồ-tát ở thế giới Tây Phương Cực Lạc không có những việc này?

Mời xem kinh văn kế tiếp:

**Bỉ chur Bồ-tát, u nhất thiết chúng sanh, hữu đại từ bi lợi ích tâm cố, xả ly nhất thiết chấp trước, thành tựu vô lượng công đức, dĩ vô ngại huệ, giải pháp như như, thiện tri tập diệt âm thanh phương tiện, bất hân thế ngữ, nhạo tại chánh luận.**

*Các Bồ-tát ấy đối với tất cả chúng sanh do có tâm đại từ bi làm lợi ích, lìa bỏ hết thảy chấp trước, thành tựu vô lượng công đức, dùng trí tuệ vô ngại, thấu rõ các pháp là như như, giỏi biết âm thanh phương tiện tập diệt, không thích ngôn luận thế gian, thích luận chánh pháp.*

Đoạn kinh văn này là câu trả lời cho phần sau cùng của đoạn kinh văn phía trên nêu ra câu hỏi vì sao. Ở đây giải thích rằng, “bởi vì Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh có tâm đại từ bi làm lợi ích”. Câu này là tổng thuyết, các ngài là “ngay nơi tướng mà lìa tướng, ngay đó và lìa bỏ đồng thời”, đây là thật sự lợi mình lợi người. Lợi ích đối với chính mình là trải sự luyện tâm, tu định tuệ của chính

mình; đồng thời còn có thể giúp tất cả chúng sanh, đây là từ bi chân thật, cộng thêm chữ “đại”, chính là không có phân biệt chấp trước, nên là đại từ bi. Các ngài phải xa lìa tất cả chấp trước, vọng tưởng, thành tựu vô lượng công đức, các ngài đã thành tựu được vô lượng công đức rồi, dùng trí tuệ vô ngại thấu rõ các pháp là như như.

Hội Sớ nói: “Như như nghĩa là chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải không, chẳng phải có. Chính là tướng trung đạo đệ nhất nghĩa đế”. Tịnh Ảnh Sớ nói: “Thấu rõ các pháp là như như, là sự lý giải của các ngài”, là sự lý giải đối với các pháp của Đại sĩ cõi Cực Lạc. “Như như” nói ở đây là một trong năm pháp được nói trong kinh Lăng-già. Năm pháp là: một là tướng, hai là danh, ba là phân biệt, bốn là chánh trí, năm là như như. Chánh trí là trong tâm vô lậu còn có vọng tưởng, chẳng phải hoàn toàn là trí tuệ. Người chân thật tu hành, tuy đã có tâm vô lậu rồi, nhưng khi chưa chứng quả vẫn có vọng tưởng, đây gọi là chánh trí. Từ vọng tưởng trong chốc lát nhảy sang chân như, thì chỉ có Thiền tông, đó lại là một con đường khác.

Chúng ta nếu từ chánh trí đi vào như như, dù đã như rồi nhưng hai bên vẫn không phải một, chẳng phải khác, không có ý niệm thuận nghịch, có thể bình đẳng phổ độ, không còn chấp trước nữa thì có thể thành tựu tất cả công đức.

Công đức, công là công phu tu hành, đức là thu hoạch của việc tu học, gọi là công đức. Cho nên, công đức phải dựa vào chính mình tu hành, người khác không thể giúp bạn được, bất kỳ người nào cũng không thể giúp được.

*“Dùng trí tuệ vô ngại, thấu rõ các pháp là như như”*

Câu này nói đến công đức lợi tha. Phần trước nói tự lợi, ở đây nói lợi tha. Nhất định là sau khi tự lợi mới có thể lợi tha, bản thân vẫn chưa khế nhập cảnh giới này, muốn giúp đỡ người khác thì chẳng thể được. Ví dụ giảng kinh, giảng sai kinh thì có trách nhiệm hay không? Có trách nhiệm. Giảng sai rồi sẽ làm lầm lạc người khác, chính mình đi sai đường thì không thể trách người khác, nếu bạn chỉ người khác đi sai đường thì phải gánh trách nhiệm nhân quả. Cổ nhân thường nói: “Chuyên ngữ sai một chữ, đọa thân chôn hoang năm trăm đời”, đây là công án về đại sư Bách Trượng của Thiền tông. Đây là giảng kinh đã giảng sai một chữ, đó lại là chữ quan trọng then chốt, nếu sai chữ then chốt này thì nguy hại vô cùng, bạn đã chỉ sai phương hướng tu hành cho người khác rồi. Cho nên trước tiên nhất định phải chính mình khế nhập cảnh giới rồi sau đó tri kiến của bạn mới thật sự chính xác.

“Dùng trí tuệ vô ngại, thấu rõ các pháp là như như”, thật sự thấu tỏ vạn pháp đều là như, không có pháp nào chẳng phải như. Nếu không thể thấu rõ các pháp là như như thì chắc chắn bạn sẽ giảng sai ý nghĩa. Đến khi nào bạn mới có thể thấu rõ các pháp là như như? Khi xả ly tất cả chấp trước thì bạn mới có thể thấu rõ các pháp là như như. Vì sao A-la-hán không có bản lĩnh này? Bởi vì A-la-hán còn có pháp chấp, cho nên không thể thấu rõ các pháp là như như.

Chúng ta làm thế nào mới có thể khế nhập cảnh giới? Buông xuống, buông xuống, tiếp tục buông xuống. Buông xuống cái gì? Buông xuống chấp trước, đối với tất cả pháp đều không chấp trước. Vì sao không chấp trước? Bởi vì nó là vô sở hữu, nó chẳng thể đạt được, cho nên phải buông xuống. Buông xuống thì trong tâm của chúng ta không còn chướng ngại nữa, chướng ngại làm chướng ngại trí tuệ công đức của tự tánh đã bị triệt tiêu rồi, tự tánh dần dần phóng quang. Buông xuống càng nhiều thì quang phóng ra càng lớn, bạn đối với tất cả pháp toàn bộ thông đạt sáng tỏ, như như, thấu rõ các pháp là như như, đã hoàn toàn hiểu rõ rồi. Bản thân sáng tỏ rồi, đã thành Phật rồi, đây là tự độ; giúp đỡ người khác thành Phật, đây là độ tha.

Chúng sanh mặt pháp rất khổ, khổ từ đâu mà đến? Từ trong mê mà ra, chúng sanh rất khổ, mê rất sâu, càng càng khó giáo hóa. Chư Bồ-tát phải dùng phương pháp khế cơ phương tiện khéo léo để giáo hóa chúng sanh, đây gọi là “ứng cơ thuyết pháp”. Người thuyết pháp thật sự đã khế nhập như như, nếu bản thân chẳng thể như như thì sao bạn có thể dạy người khác như như được?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!